

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST

Ngày 04/4/2018

*“V/ly hôn, tranh chấp
nuôi dưỡng con chung khi ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lý Seo Vần

2. Bà: Trần Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị G.

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu B - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Số 075, đường T, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2- Bị đơn: Anh Đặng Ông S.

Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị G và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S về chung sống với nhau như vợ chồng từ thời gian năm 2002, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh, chị về chung sống với nhau tại Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai và đã có 02 con chung với nhau, đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái. Từ đó anh, chị thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra

anh, chị đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Đến năm 2014 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng chị Triệu Thị G đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ngày 23/01/2018 chị Triệu Thị G đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Ông S.

Anh Đặng Ông S cũng xác nhận mâu thuẫn như chị Triệu Thị G đã trình bày và anh nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị G với lý do tình cảm giữa anh và chị không còn, thực tế anh, chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống cho đến nay anh, chị đã có 02 con chung, cháu lớn Đặng Ông N1 - Sinh ngày 09/12/2003; cháu thứ hai: Đặng Ông N2 - Sinh ngày 04/7/2006. Hiện nay cháu Đặng Ông N1 đang ở cùng với anh Đặng Ông S; Cháu Đặng Ông N2 đang ở cùng với chị Triệu Thị G, hiện tại các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S thỏa thuận để chị Triệu Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ông N2 và để anh Đặng Ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ông N1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S là vợ chồng.

Áp dụng Điều 15, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu thỏa thuận của chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S giao cháu Đặng Ông N1 - Sinh ngày 09/12/2003 cho anh Đặng Ông S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Ông N2 - Sinh ngày 04/7/2006 cho chị Triệu Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là cuộc hôn nhân bất hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Sau ngày cưới anh, chị về chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp,

quan điểm không thống nhất với nhau trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái. Xuất phát từ đó anh, chị thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra anh, chị đã được hai bên gia đình, anh em bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2014 mâu thuẫn sảy ra trầm trọng chị Triệu Thị G đã bỏ về gia đình bố mẹ để ở từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ngày 23/01/2018 chị Triệu Thị G đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Ông S.

Anh Đặng Ông S cũng nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị G với lý do tình cảm giữa anh và chị không còn, thực tế anh, chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với lý do tình cảm không còn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S là vợ chồng.

Áp dụng Điều 15, 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu thỏa thuận của chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S giao cháu Đặng Ông N1 - Sinh ngày 09/12/2003 cho anh Đặng Ông S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Ông N2 - Sinh ngày 04/7/2006 cho chị Triệu Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy việc chung sống của chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S là trái với các qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, nay chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều có yêu cầu xin được ly hôn và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S là vợ chồng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2].Về con chung: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống cho đến nay anh, chị đã có 02 con chung, cháu Đặng Ông N1 - Sinh ngày 09/12/2003; cháu thứ hai: Đặng Ông N2 - Sinh ngày 04/7/2006. Hiện nay cháu Đặng Ông N1 đang ở cùng với anh Đặng Ông S; Cháu Đặng Ông N2 đang ở cùng với chị Triệu Thị G, hiện tại các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S thỏa thuận để chị Triệu Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ông N2 và để anh Đặng Ông S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ông N1 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa hôm nay xét thấy sự thỏa thuận của chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với các quy định tại các Điều 15, 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với tâm tư và nguyện vọng của các cháu Đặng Ông N1 và cháu Đặng Ông N2. Đảm bảo được quyền, lợi ích và

sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung là có căn cứ.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S đều xác nhận anh, chị không vay mượn gì của ai, không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Triệu Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S về con chung như sau:

Chị Triệu Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Ông N2 - Sinh ngày 04/7/2006; Anh Đặng Ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đặng Ông N1 - Sinh ngày 09/12/2003 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Triệu Thị G và anh Đặng Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007448 ngày 25/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Triệu Thị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng(02);
- THA dân sự huyện Bảo Thắng;
- UBND xã P, huyện B;
- Các đương sự (2);
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu HS – TA - VP(3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Như Long